

**Thông báo kết quả
phân ngành khóa 2009**

Lớp CK09CD (Cơ Điện Tử)

TT	MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900014	NGUYEN BA	AN	CK09CK2	CK09CD
2	20900120	PHAN HONG	AN	CK09CK1	CK09CD
3	20900055	LE MINH TUAN	ANH	CK09CK6	CK09CD
4	20900061	NGO TUAN	ANH	CK09CK6	CK09CD
5	20900080	NGUYEN VU	ANH	CK09CK2	CK09CD
6	20900176	LE CHI	BINH	CK09CK3	CK09CD
7	20900195	LAM TAN	BON	CK09CK3	CK09CD
8	20900227	GOI DU	CHHE	CK09CK1	CK09CD
9	20900305	NGUYEN DUY	CUONG	CK09CK6	CK09CD
10	20900541	PHAM NGUYEN	DAT	CK09CK6	CK09CD
11	20900569	NGUYEN	DE	CK09CK1	CK09CD
12	20900591	HUYNH VAN	DO	CK09CK5	CK09CD
13	20900624	HUYNH PHU	DUC	CK09CK1	CK09CD
14	20900442	NGO VAN	DUNG	CK09CK5	CK09CD
15	20900452	PHAM TIEN	DUNG	CK09CK1	CK09CD
16	20900609	TRAN VAN	DUONG	CK09CK5	CK09CD
17	20900398	NGUYEN ANH	DUY	CK09CK5	CK09CD
18	20900413	PHAM DINH	DUY	CK09CK5	CK09CD
19	20900430	VO AN	DUY	CK09CK6	CK09CD
20	20900677	NGUYEN TRUONG	GIANG	CK09CK1	CK09CD
21	20900734	NGUYEN TU	HAI	CK09CK2	CK09CD
22	20900775	DINH NGOC	HAN	CK09CK2	CK09CD
23	20900864	DOAN BA	HIEP	CK09CK2	CK09CD
24	20900868	LY HOANG	HIEP	CK09CK5	CK09CD
25	20900871	NGUYEN TAN	HIEP	CK09CK2	CK09CD
26	20900879	TRUONG MINH	HIEP	CK09CK5	CK09CD
27	20900914	NGUYEN DUY	HOANG	CK09CK2	CK09CD
28	20900946	TU PHUOC	HOANG	CK09CK6	CK09CD
29	20901000	HO NGO MANH	HUY	CK09CK5	CK09CD
30	20901186	NGUYEN VAN	KHANH	CK09CK7	CK09CD
31	20901185	NGUYEN VAN	KHANH	CK09CK6	CK09CD

32	20901333	LE VAN	LAN	CK09CK7	CK09CD
33	20901359	DANG THANH	LAP	CK09CK7	CK09CD
34	20901428	NGUYEN HUYNH PHI	LONG	CK09CK7	CK09CD
35	20901440	TRINH HOANG	LONG	CK09CK7	CK09CD
36	20901481	HUYNH THANH	LUAN	CK09CK6	CK09CD
37	20901534	NGUYEN VAN	MAN	CK09CK7	CK09CD
38	20901547	HOANG QUANG	MINH	CK09CK2	CK09CD
39	20901618	NGO HOANG	NAM	CK09CK1	CK09CD
40	20901760	NGUYEN PHUC	NGUYEN	CK09CK7	CK09CD
41	20901798	LE DO DINH	NHAN	CK09CK6	CK09CD
42	20901803	LE VAN	NHAN	CK09CK7	CK09CD
43	20901806	MAI HUU	NHAN	CK09CK6	CK09CD
44	20801455	TRAN TRONG	NHAN	CK09CD1	CK09CD
45	20901983	PHAM LE HOANG	PHU	CK09CK1	CK09CD
46	20902156	TRUONG THUONG	QUAN	CK09CK6	CK09CD
47	20902087	CAO NHAT	QUANG	CK09CK1	CK09CD
48	20902096	LE CANH NHAT	QUANG	CK09CK5	CK09CD
49	20902114	PHAM THANH	QUANG	CK09CK4	CK09CD
50	20902188	NGO TON	QUYEN	CK09CK1	CK09CD
51	20902215	NGUYEN PHAM VINH	SAN	CK09CK1	CK09CD
52	20902236	TRAN HUU	SANG	CK09CK4	CK09CD
53	20902242	HOANG BA	SAO	CK09CK4	CK09CD
54	20902255	DINH CONG	SI	CK09CK4	CK09CD
55	20902284	NGUYEN TRONG	SON	CK09CK4	CK09CD
56	20902289	PHAM HUY	SON	CK09CK4	CK09CD
57	20902433	NGUYEN DAO CONG	THAI	CK09CK8	CK09CD
58	20902718	LE NGOC	THUONG	CK09CK4	CK09CD
59	20902760	PHAM HOANG	TIEN	CK09CK8	CK09CD
60	20902798	TRAN TRONG	TIN	CK09CK8	CK09CD
61	20903009	TRAN MINH	TRUNG	CK09CK8	CK09CD
62	20903041	LE PHAM TAN	TRUONG	CK09CK8	CK09CD
63	20903222	BUI DANG	TU	CK09CK6	CK09CD
64	20903078	HOANG ANH	TUAN	CK09CK8	CK09CD
65	20903243	PHAN NGUYEN MINH	VAN	CK09CK8	CK09CD
66	20903247	TRUONG MINH KHANH	VAN	CK09CK8	CK09CD
67	20903411	TRINH BAO	XUYEN	CK09CK6	CK09CD

Lớp Ck09CTM

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900081	NGUYEN XUAN	ANH	CK09CK1	CK09CTM
2	20900087	TRAN BAO	ANH	CK09CK2	CK09CTM
3	20900094	TRAN TUAN	ANH	CK09CK2	CK09CTM
4	20900161	NGUYEN VAN	BANG	CK09CK3	CK09CTM
5	20900248	LE DUY	CHI	CK09CK1	CK09CTM
6	20900276	LE VAN	CONG	CK09CK5	CK09CTM
7	20900281	VO HUYNH	CONG	CK09CK1	CK09CTM
8	20900284	TRINH XUAN	CUNG	CK09CK6	CK09CTM
9	20900292	DOAN MANH	CUONG	CK09CK5	CK09CTM
10	20900307	NGUYEN HUU	CUONG	CK09CK5	CK09CTM
11	20900493	TRAN NGOC	DA	CK09CK5	CK09CTM
12	20900551	HUYNH MINH	DANG	CK09CK6	CK09CTM
13	20900507	DO QUANG	DAO	CK09CK1	CK09CTM
14	20900602	VO	DONG	CK09CK5	CK09CTM
15	20900613	DAO THANH	DUC	CK09CK1	CK09CTM
16	20900445	NGUYEN HOANG	DUNG	CK09CK5	CK09CTM
17	20900412	PHAM CONG	DUY	CK09CK1	CK09CTM
18	20900374	DONG VAN	DUY	CK09CK5	CK09CTM
19	20900666	HUYNH DONG	GIANG	CK09CK1	CK09CTM
20	20903459	NGUYEN TRUONG	GIANG	CK09CK2	CK09CTM
21	20900701	LE HOANG	HA	CK09CK1	CK09CTM
22	20900755	NGUYEN HOANG	HAO	CK09CK5	CK09CTM
23	20900715	NGUYEN ANH	HAO	CK09CK5	CK09CTM
24	20900858	TA DINH THE	HIEN	CK09CK2	CK09CTM
25	20900855	PHAN VAN	HIEN	CK09CK5	CK09CTM
26	20900940	TRAN NGOC	HOANG	CK09CK5	CK09CTM
27	20901106	NGUYEN HONG	HUNG	CK09CK2	CK09CTM
28	20901084	TUYET CHAN	HUNG	CK09CK5	CK09CTM
29	20901061	DO VAN	HUNG	CK09CK5	CK09CTM
30	20901012	NGUYEN DUY	HUY	CK09CK5	CK09CTM
31	20901035	PHAN THANH	HUY	CK09CK5	CK09CTM
32	20900996	HOANG QUOC	HUY	CK09CK5	CK09CTM
33	20901057	TRAN NHU	HUYNH	CK09CK5	CK09CTM
34	20901160	BUI DUY	KHANH	CK09CK7	CK09CTM
35	20901182	NGUYEN QUOC	KHANH	CK09CK7	CK09CTM
36	20901266	VO VAN DANG	KHOA	CK09CK2	CK09CTM

37	20901290	TRINH VU	KHUYEN	CK09CK7	CK09CTM
38	20901358	PHAN DUY	LAN	CK09CK2	CK09CTM
39	20901476	LE VAN	LOI	CK09CK2	CK09CTM
40	20901486	NGUYEN THANH	LUAN	CK09CK7	CK09CTM
41	20901522	NGUYEN VAN	LY	CK09CK7	CK09CTM
42	20901545	DUONG VAN	MINH	CK09CK7	CK09CTM
43	20901623	NGUYEN KIEU	NAM	CK09CK7	CK09CTM
44	20901605	BUI THANH	NAM	CK09CK2	CK09CTM
45	20901709	TRINH HUU	NGHIA	CK09CK3	CK09CTM
46	20903460	PHAM TUAN	NGHIA	CK09CK2	CK09CTM
47	20901769	TRAN TRONG	NGUYEN	CK09CK7	CK09CTM
48	20901820	TRAN VAN	NHAN	CK09CK6	CK09CTM
49	20901909	NGUYEN TAN	PHAT	CK09CK7	CK09CTM
50	20901917	TRAN TAN	PHAT	CK09CK3	CK09CTM
51	20901961	NGUYEN MINH	PHO	CK09CK7	CK09CTM
52	20901936	LE DUC	PHONG	CK09CK3	CK09CTM
53	20901943	NGUYEN NHAT THANH	PHONG	CK09CK3	CK09CTM
54	20902067	NGUYEN DUY	PHUOC	CK09CK7	CK09CTM
55	20902040	LE DOAN	PHUONG	CK09CK7	CK09CTM
56	20902042	LE MINH	PHUONG	CK09CK3	CK09CTM
57	20902192	TRAN HUU	QUYNH	CK09CK4	CK09CTM
58	20902223	LE QUOC	SANG	CK09CK6	CK09CTM
59	20902324	PHAM DUC	TAI	CK09CK4	CK09CTM
60	20902360	TRAN MINH	TAM	CK09CK4	CK09CTM
61	20902333	DINH THAI	TAM	CK09CK4	CK09CTM
62	20902543	LE DUC	THANG	CK09CK8	CK09CTM
63	20902421	VU VAN	THANH	CK09CK4	CK09CTM
64	20902566	NGO VAN	THE	CK09CK4	CK09CTM
65	20902641	NGUYEN DUC	THO	CK09CK8	CK09CTM
66	20902755	NGUYEN VAN	TIEN	CK09CK4	CK09CTM
67	20902843	PHAM KHUONG	TOAN	CK09CK1	CK09CTM
68	20902833	PHAM TRONG	TOAN	CK09CK8	CK09CTM
69	20902939	TRAN	TRI	CK09CK1	CK09CTM
70	20902949	PHAN PHUONG	TRINH	CK09CK3	CK09CTM
71	20902955	DO VAN	TRONG	CK09CK8	CK09CTM
72	20903044	MACH QUANG	TRUONG	CK09CK8	CK09CTM
73	20903087	LE KHAC	TUAN	CK09CK8	CK09CTM
74	20903126	TRAN ANH	TUAN	CK09CK8	CK09CTM
75	20903130	TRAN NGOC	TUAN	CK09CK8	CK09CTM
76	20903118	NGUYEN VIET	TUAN	CK09CK6	CK09CTM
77	20903127	TRAN DUC	TUAN	CK09CK8	CK09CTM

78	20903060	NGUYEN THANH	TUAN	CK09CK8	CK09CTM
79	20903194	MAI THE	TUNG	CK09CK7	CK09CTM
80	20903261	LE VAN	VIEN	CK09CK7	CK09CTM
81	20903266	DUONG TUAN	VIET	CK09CK5	CK09CTM
82	20903286	DINH DUC	VINH	CK09CK8	CK09CTM
83	20903293	LE VAN	VINH	CK09CK8	CK09CTM
84	20903300	NGUYEN QUANG	VINH	CK09CK8	CK09CTM
85	20903312	TRAN THE	VINH	CK09CK8	CK09CTM
86	20903337	HO HOANG	VU	CK09CK1	CK09CTM
87	20903358	NGUYEN VAN	VU	CK09CK8	CK09CTM
88	20903466	PHAM HAN	VY	CK09CK4	CK09CTM

Lớp CK09TKM

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900124	PHAM TRONG	BA	CK09CK3	CK09TKM
2	20900143	NGUYEN NGOC	BAO	CK09CK1	CK09TKM
3	20900233	NGUYEN NGOC	CHI	CK09CK3	CK09TKM
4	20900262	LE VAN	CHUNG	CK09CK3	CK09TKM
5	20900558	NGUYEN HUY	DANG	CK09CK5	CK09TKM
6	20900375	HOANG NGOC	DUY	CK09CK5	CK09TKM
7	20900710	TA LE SON	HA	CK09CK1	CK09TKM
8	20900788	VO THANH	HAU	CK09CK5	CK09TKM
9	20900887	NGUYEN HUU	HOAI	CK09CK5	CK09TKM
10	20901100	LA MANH	HUNG	CK09CK2	CK09TKM
11	20901105	NGUYEN HOANG BAO	HUNG	CK09CK2	CK09TKM
12	20901039	PHAM QUANG	HUY	CK09CK5	CK09TKM
13	20901030	NGUYEN VO DINH	HUY	CK09CK5	CK09TKM
14	20900994	DANG VAN	HUY	CK09CK2	CK09TKM
15	20901143	PHAM HUU	ICH	CK09CK2	CK09TKM
16	20901345	LE NGUYEN KY	LAM	CK09CK7	CK09TKM
17	20901362	PHAM VAN	LAP	CK09CK2	CK09TKM
18	20901475	LE PHUOC	LOI	CK09CK2	CK09TKM
19	20901588	TRAN VAN	MINH	CK09CK7	CK09TKM
20	20901732	PHAN THANH	NGOC	CK09CK7	CK09TKM
21	20901722	LE QUANG	NGOC	CK09CK3	CK09TKM
22	20901753	NGUYEN HOANG	NGUYEN	CK09CK3	CK09TKM
23	20901855	LUONG VAN	NHON	CK09CK7	CK09TKM
24	20901927	NGUYEN HUYNH	PHI	CK09CK3	CK09TKM

25	20901928	LE VAN	PHIT	CK09CK3	CK09TKM
26	20902063	HO THIEN	PHUOC	CK09CK1	CK09TKM
27	20902059	TRAN TRONG	PHUONG	CK09CK3	CK09TKM
28	20902256	LE VAN	SI	CK09CK3	CK09TKM
29	20902301	VU KHAC NGUYEN	SON	CK09CK3	CK09TKM
30	20902331	DAO THIEN	TAM	CK09CK4	CK09TKM
31	20902363	DANG DINH	TAN	CK09CK3	CK09TKM
32	20902553	NGUYEN XUAN	THANG	CK09CK4	CK09TKM
33	20902486	TRAN VAN	THANH	CK09CK4	CK09TKM
34	20902404	NGUYEN DUY	THANH	CK09CK4	CK09TKM
35	20902579	PHAM NHAT	THIEN	CK09CK4	CK09TKM
36	20902578	PHAN	THIEN	CK09CK8	CK09TKM
37	20902633	VO QUAN	THINH	CK09CK8	CK09TKM
38	20902805	THACH CANH	TINH	CK09CK4	CK09TKM
39	20902928	NGUYEN HUU	TRI	CK09CK8	CK09TKM
40	20902950	TRINH BA	TRINH	CK09CK3	CK09TKM
41	20902966	DO VIET	TRUNG	CK09CK8	CK09TKM
42	20903143	NGUYEN NGOC	TUE	CK09CK8	CK09TKM
43	20903343	LE HOANG	VU	CK09CK8	CK09TKM
44	20903372	TRAN PHI	VU	CK09CK8	CK09TKM
45	20903353	NGUYEN LE TUAN	VU	CK09CK8	CK09TKM

Lớp Ck09MXD

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900008	HOANG THAI	AN	CK09CK2	CK09CXN
2	20900504	NGUYEN HUU QUOC	DAI	CK09CK5	CK09CXN
3	20900563	PHAM NGUYEN TRI	DANG	CK09CK1	CK09CXN
4	20900814	NGUYEN MINH	HIEU	CK09CK6	CK09CXN
5	20901151	TRAN TRIEU	KHA	CK09CK7	CK09CXN
6	20901172	HO DUY	KHANH	CK09CK7	CK09CXN
7	20901226	HO DANG	KHOA	CK09CK7	CK09CXN
8	20901258	TON THAT VINH	KHOA	CK09CK1	CK09CXN
9	20901300	NGUYEN NGOC TRUNG	KIEN	CK09CK7	CK09CXN
10	20901647	VU TRUNG	NAM	CK09CK7	CK09CXN
11	20901607	DANG HAI	NAM	CK09CK7	CK09CXN
12	20901976	NGUYEN QUANG	PHU	CK09CK7	CK09CXN
13	20902099	NGO VAN	QUANG	CK09CK7	CK09CXN
14	20902290	PHAM THANH	SON	CK09CK4	CK09CXN

15	20902386	THAI MINH	TAN	CK09CK4	CK09CXN
16	20902541	LAM TRUONG	THANG	CK09CK4	CK09CXN
17	20902537	DAO DUC	THANG	CK09CK4	CK09CXN
18	20902552	NGUYEN VIET	THANG	CK09CK4	CK09CXN
19	20902620	NGUYEN NGOC	THINH	CK09CK8	CK09CXN
20	20902626	NGUYEN VINH	THINH	CK09CK6	CK09CXN
21	20902668	DOAN CONG	THUAN	CK09CK8	CK09CXN
22	20902785	NGUYEN HUU	TIN	CK09CK8	CK09CXN
23	20902816	LE DUC	TOAN	CK09CK1	CK09CXN
24	20902834	PHAM TRUONG	TOAN	CK09CK4	CK09CXN
25	20902848	NGUYEN VAN	TONG	CK09CK4	CK09CXN
26	20902895	PHAN CHAU	TRI	CK09CK4	CK09CXN
27	20902914	CAO HUU	TRI	CK09CK1	CK09CXN
28	20902964	DO DUC	TRUNG	CK09CK2	CK09CXN
29	20903198	NGUYEN THANH	TUNG	CK09CK4	CK09CXN
30	20903242	NGUYEN CONG	VAN	CK09CK4	CK09CXN

Lớp CK09VL

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900123	NGUYEN QUANG	AN	CK09CK3	CKO9VL
2	20900151	VO NHAT	BAO	CK09CK3	CKO9VL
3	20900585	TRUONG CONG	DINH	CK09CK5	CKO9VL
4	20900921	NGUYEN MINH	HOANG	CK09CK2	CKO9VL
5	20900916	NGUYEN DO MINH	HOANG	CK09CK2	CKO9VL
6	20901229	LE HOANG DANG	KHOA	CK09CK1	CKO9VL
7	20901353	NGUYEN TUNG	LAM	CK09CK7	CKO9VL
8	20901384	LE HOAI	LINH	CK09CK2	CKO9VL
9	20901538	TRUONG VAN	MAN	CK09CK2	CKO9VL
10	20901825	THAI DUY	NHAT	CK09CK3	CKO9VL
11	20901835	MAI QUANG	NHAT	CK09CK6	CKO9VL
12	20901948	NGUYEN THANH	PHONG	CK09CK3	CKO9VL
13	20901972	NGUYEN DUY	PHU	CK09CK6	CKO9VL
14	20902089	DANG VU	QUANG	CK09CK3	CKO9VL
15	20902170	TRAN MINH	QUOC	CK09CK4	CKO9VL
16	20902491	VU HIEP	THANH	CK09CK4	CKO9VL
17	20902654	PHAM DOAN	THONG	CK09CK4	CKO9VL
18	20902677	NGUYEN QUANG	THUAN	CK09CK6	CKO9VL
19	20903173	PHAN LE	TU	CK09CK7	CKO9VL

20	20903115	NGUYEN THANH	TUAN	CK09CK8	CK09VL
21	20903103	NGUYEN HOANG	TUAN	CK09CK8	CK09VL

Lớp CK09NL

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	Lớp Cũ	LỚP MỚI
1	20900142	NGUYEN HUYNH QUOC	BAO	CK09CK3	CK09NH
2	20900127	NGUYEN HUY	BAU	CK09CK2	CK09NH
3	20900181	NGUYEN DUY	BINH	CK09CK6	CK09NH
4	20900274	DANG THANH	CONG	CK09CK6	CK09NH
5	20900495	NGUYEN LY	DANG	CK09CK5	CK09NH
6	20900537	NGUYEN VAN	DAT	CK09CK6	CK09NH
7	20900522	HUYNH PHUONG	DAT	CK09CK6	CK09NH
8	20900432	VU HOANG	DUY	CK09CK1	CK09NH
9	20900744	TRAN THANH	HAI	CK09CK5	CK09NH
10	20900767	NGUYEN DUC	HANH	CK09CK2	CK09NH
11	20901069	NGUYEN MANH	HUNG	CK09CK2	CK09NH
12	20901067	NGUYEN ANH	HUNG	CK09CK2	CK09NH
13	20901121	TRAN QUOC	HUNG	CK09CK7	CK09NH
14	20901065	LUU MANH	HUNG	CK09CK5	CK09NH
15	20901056	NGUYEN NHAT	HUYNH	CK09CK5	CK09NH
16	20901330	DO MINH	LAI	CK09CK7	CK09NH
17	20901354	NGUYEN VU	LAM	CK09CK7	CK09NH
18	20901383	HUYNH NGUYEN HOANG	LINH	CK09CK7	CK09NH
19	20901460	NGUYEN TUAN	LOC	CK09CK2	CK09NH
20	20901415	BUI PHI	LONG	CK09CK1	CK09NH
21	20901566	NGUYEN LE THE	MINH	CK09CK2	CK09NH
22	20901679	BUI THANH	NGHI	CK09CK3	CK09NH
23	20901702	PHAM HUU	NGHIA	CK09CK6	CK09NH
24	20901689	HUYNH HIEU	NGHIA	CK09CK7	CK09NH
25	20901786	NGUYEN DUC	NHA	CK09CK3	CK09NH
26	20901827	VO PHUOC	NHAN	CK09CK3	CK09NH
27	20901880	PHAM TRUONG	NIEN	CK09CK3	CK09NH
28	20901985	TRAN THANH	PHU	CK09CK3	CK09NH
29	20902149	TRAN DUONG HONG	QUAN	CK09CK3	CK09NH
30	20902129	KIEU CONG	QUAN	CK09CK6	CK09NH

31	20902202	TRUONG QUANG	QUY	CK09CK4	CK09NH
32	20902308	LA PHU	TAI	CK09CK3	CK09NH
33	20902357	TRAN BAO	TAM	CK09CK4	CK09NH
34	20902303	LE	TAM	CK09CK2	CK09NH
35	20902447	TRA HONG	THAI	CK09CK4	CK09NH
36	20902489	TRUONG VINH	THANH	CK09CK4	CK09NH
37	20902528	NGUYEN PHUOC	THANH	CK09CK2	CK09NH
38	20902680	PHAM MINH	THUAN	CK09CK4	CK09NH
39	20902721	PHAM MINH	THUONG	CK09CK4	CK09NH
40	20902813	HUYNH MINH	TOAN	CK09CK4	CK09NH
41	20902934	NGUYEN VIET DUC	TRI	CK09CK8	CK09NH
42	20902906	NGUYEN THANH	TRIEU	CK09CK2	CK09NH
43	20902971	LE CHI	TRUNG	CK09CK1	CK09NH
44	20903021	VU VAN TIEN	TRUNG	CK09CK6	CK09NH
45	20903054	PHAM NGUYEN XUAN	TRUONG	CK09CK8	CK09NH
46	20903139	VU	TUAN	CK09CK8	CK09NH
47	20903206	PHAM MINH	TUNG	CK09CK8	CK09NH
48	20903357	NGUYEN TUAN	VU	CK09CK8	CK09NH
49	20903378	VU TRAN NGUYEN	VU	CK09CK6	CK09NH
50	20903422	NGUYEN HUYNH DUONG	Y	CK09CK8	CK09NH

Lớp CK09DM

Ngành In Nhuộm

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	F_TENLOP	Kết quả phân ngành
1	20904073	MAI NGOC	CHUNG	CK09DM	IIN
2	20904131	NGUYEN THI TRUC	DAO	CK09DM	IIN
3	20900349	BUI THI KIEU	DIEM	CK09DM	IIN
4	20904154	PHAM VAN	DUC	CK09DM	IIN
5	20904165	LE THI	HA	CK09DM	IIN
6	20904189	NGUYEN SONG THAO	HAN	CK09DM	IIN
7	20900769	LE THI LE	HANG	CK09DM	IIN
8	20904192	NGUYEN THI	HAU	CK09DM	IIN
9	20904207	NGUYEN HOANG	HIEP	CK09DM	IIN
10	20904210	NGUYEN DUONG HOANG	HOA	CK09DM	IIN

11	20904233	NGUYEN THI	HONG	CK09DM	IIN
12	20904293	TRAN LINH	KHANH	CK09DM	IIN
13	20901652	DONG THI	NGA	CK09DM	IIN
14	20904402	NGUYEN LE KIM	NGAN	CK09DM	IIN
15	20904426	NGUYEN THIEN BAO	NGOC	CK09DM	IIN
16	20902326	TRAN ANH	TAI	CK09DM	IIN
17	20904601	NGUYEN MINH	THAO	CK09DM	IIN
18	20902710	VU ANH	THU	CK09DM	IIN
19	20904649	TRAN THI THU	THUY	CK09DM	IIN
20	20904659	NGUYEN THI THANH	THUY	CK09DM	IIN
21	20904658	NGUYEN NHU	THUY	CK09DM	IIN
22	20904687	NGUYEN THI THUY	TRANG	CK09DM	IIN
23	20904762	LE THI THANH	TUYEN	CK09DM	IIN
24	20903299	NGUYEN QUANG	VINH	CK09DM	IIN

Ngành Sợi Dệt

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	F_TENLOP	Kết quả phân ngành
1	20900050	HO PHAM TUAN	ANH	CK09DM	SD
2	20904060	NGUYEN THI GIANG	CHAU	CK09DM	SD
3	20900583	HA NGOC	DINH	CK09DM	SD
4	20900366	PHAM HOANG	DUNG	CK09DM	SD
5	20900667	HUYNH LE KIEU	GIANG	CK09DM	SD
6	20900843	LE THI	HIEN	CK09DM	SD
7	20904269	NGUYEN THIEN	HUONG	CK09DM	SD
8	20901178	NGUYEN DUY	KHANH	CK09DM	SD
9	20901302	NGUYEN TRUNG	KIEN	CK09DM	SD
10	20901337	TRAN THI KIM	LAN	CK09DM	SD
11	20904326	NGO THI QUYNH	LIEN	CK09DM	SD
12	20901392	NGUYEN PHI THAO	LINH	CK09DM	SD
13	20901414	NGUYEN THI KIM	LOAN	CK09DM	SD
14	20904346	VU THI THANH	LOAN	CK09DM	SD
15	20904398	VU THI THUY	NGA	CK09DM	SD
16	20904428	PHAN DINH HONG	NGOC	CK09DM	SD
17	20904490	CAO ANH	PHUONG	CK09DM	SD
18	20902158	DO MINH	QUI	CK09DM	SD
19	20904528	LE THI	QUYNH	CK09DM	SD
20	20902494	DUONG TRIEU	THAO	CK09DM	SD

21	20902909	HA LE HOAI	TRINH	CK09DM	SD
22	20903033	TRAN THI THANH	TRUC	CK09DM	SD
23	20903067	CAO HUYNH ANH	TUAN	CK09DM	SD
24	20904781	TRAN NGUYEN PHUONG	UYEN	CK09DM	SD
25	20904786	NGO THI THUY	VAN	CK09DM	SD
26	20903418	DO THI HOANG	YEN	CK09DM	SD

Ngành May – Thời Trang

TT	F_MASV	HOLOT	TEN	F_TENLOP	Kết quả phân ngành
1	20904065	GIA THI THANH	CHI	CK09DM	MAY
2	20900229	HUYNH PHUONG	CHI	CK09DM	MAY
3	20904125	DUONG	DUONG	CK09DM	MAY
4	20904178	NGUYEN THI XUAN	HAO	CK09DM	MAY
5	20904217	DANG NGOC THU	HOAI	CK09DM	MAY
6	20901336	NGUYEN TRAN THAO	LAN	CK09DM	MAY
7	20904373	NGUYEN ANH BINH	MINH	CK09DM	MAY
8	20904397	NGUYEN THI MINH	NGA	CK09DM	MAY
9	20904423	HUYNH NHU	NGOC	CK09DM	MAY
10	20904440	NGUYEN THANH	NHAN	CK09DM	MAY
11	20902052	NGUYEN THANH	PHUONG	CK09DM	MAY
12	20902495	HOANG THI	THAO	CK09DM	MAY
13	20904650	TRINH THI	THUY	CK09DM	MAY
14	20902700	VU THI THU	THUY	CK09DM	MAY
15	20904693	LE THI BICH	TRAM	CK09DM	MAY
16	20902866	NGUYEN THI THU	TRANG	CK09DM	MAY
17	20903135	TRUONG ANH	TUAN	CK09DM	MAY
18	20904760	TRAN THI	TUYET	CK09DM	MAY
19	20903228	TRAN LE	UYEN	CK09DM	MAY
20	20904780	NGUYEN TU	UYEN	CK09DM	MAY
21	20903252	NGUYEN THI THUY	VAN	CK09DM	MAY
22	20904807	LUU NHAT	VU	CK09DM	MAY
23	20904821	HO TUONG	VY	CK09DM	MAY
24	20904827	NGUYEN HA	XUYEN	CK09DM	MAY